

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa của Công ty cổ phần Mía đường Lam Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Trung tâm chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty CP Mía đường Lam Sơn, tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 16/11/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 126/CV-LS ngày 06/5/2021 của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 355/Tr-STNMT ngày 17/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trung tâm chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Trung tâm chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại
xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần
Mía đường Lam Sơn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Trung tâm chế biến nông sản, thực phẩm công nghệ cao Lam Sơn tại xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: **Công ty CP Mía đường Lam Sơn**

+ Người đại diện: Ông Lê Văn Tam

+ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

+ Số điện thoại: 02373834091

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Quy mô sử dụng đất của dự án Trung tâm Chế biến nông sản thực phẩm Công nghệ cao Lam Sơn với tổng diện tích 9,63ha; bao gồm 02 Nhà máy: Nhà máy sấy, xay sát lúa gạo xuất khẩu có diện tích khoảng 5,65ha; Nhà máy chế biến nông sản có diện tích khoảng 3,98ha.

+ Công suất:

Nhà máy sấy, xay sát lúa gạo xuất khẩu: sấy lúa gạo, công suất 1.800 tấn/ngày; xay sát lúa gạo, công suất 100.000 tấn sản phẩm/năm;

Nhà máy chế biến nông sản, công suất 10.000 tấn/năm, trong đó: nước ép trái cây 8.000 tấn/năm; nấm tươi 1.200 tấn/năm; bún phở ăn liền 800 tấn/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án (trong giai đoạn vận hành dự án)

2.1. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt khoảng 3,75 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn khoảng 2,7 m³/ngày.đêm; nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện) khoảng 3,75 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, Coliform,...

- Nước thải từ quá trình sản xuất khoảng 121,3 m³/ngày; trong đó, nước thải từ quá trình sản xuất phở ăn liền 12,8 m³/ngày; thành phần chủ yếu chứa tinh bột, chất rắn lơ lửng,.....; nước thải từ quá trình sản xuất nước ép trái cây và vệ sinh thiết bị, nhà xưởng: 94 m³/ngày; thành phần chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ,...; nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải: 14,5 m³/ngày; thành phần chủ yếu tro, cặn, chất rắn lơ lửng.

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bụi, bùn, đất, rác thải khu vực có lưu lượng 4.891 m³/ngày mưa lớn nhất.

2.2. Quy mô tính chất của bụi và khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất (quá trình sấy, xay xát lúa,...); từ quá trình đốt nhiên liệu (trấu); từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm đi tiêu thụ; từ máy phát điện dự phòng,... Thành phần chủ yếu: bụi; CO; CO₂, SO₂ và NO₂.

2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu: thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, ni lon,... phát sinh khoảng 95 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ quá trình sản xuất gồm tạp chất (đất, đá, vụn cây lúa,...) loại bỏ từ quá trình sấy lúa (khoảng 0,9 tấn/ngày); tấm, cám (khoảng 67 tấn/ngày) và trấu (khoảng 88 tấn/ngày) phát sinh từ quá trình xay xát; bã nguyên liệu từ quá trình sản xuất nước ép trái cây (khoảng 187,82 tấn/ngày); bánh phở vụn từ quá trình sản xuất phở ăn liền (khoảng 39kg/ngày); giá thể sau trồng nấm (khoảng 8,5 tấn/ngày); tro, xỉ từ quá trình đốt nhiên liệu (khoảng 6,2 tấn/ngày).

- Ngoài ra, còn có lượng chất thải rắn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, cảnh quan môi trường.

2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,... khối lượng khoảng 10 kg/tháng.

- Dầu thải bảo dưỡng máy móc, thiết bị ... khối lượng khoảng 78 lít/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của tiếng ồn, rung và ô nhiễm khác

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm sẽ phát sinh tiếng ồn, độ rung do hoạt động của các máy móc, thiết bị gây ra. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động cũng tiềm ẩn các sự cố rủi ro cháy nổ, tai nạn lao động, ngộ độc thực phẩm, hư hỏng hệ thống xử lý chất thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường (Giai đoạn hoạt động của dự án)

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên mái nhà, sân đường trong khuôn viên được thu gom bằng hệ thống mương rãnh xung quanh các khu nhà, sân đường nội bộ (tổng chiều dài 1.350m) → hố ga → mương tiêu thoát nước khu vực.

- Nước thải từ quá trình xử lý bụi và khí thải lò hơi được thu gom và dẫn về 01 bể lắng có thể tích 4,0m³ để lắng cặn (thời gian lưu nước 2h) trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực; bùn cặn được hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua 04 bể tự hoại 03 ngăn (tổng thể tích 132m³), nước thải nhà ăn được xử lý qua 01 bể tách dầu mỡ (3m³). Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ được thu gom toàn bộ về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày của Dự án.

- Nước rửa tay chân, tắm giặt được dẫn theo đường ống nhựa PVC Ø110 riêng biệt tới hệ thống thoát nước thải của Trung tâm sau đó được dẫn ra mương tiêu thoát nước khu vực.

- Nước thải từ sản xuất phở ăn liền được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể yếm khí (thể tích 150m³) trước khi dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ sản xuất nước ép trái cây được thu gom qua hệ thống sàng lọc rác và xử lý sơ bộ bằng lắng (thể tích 60m³) trước khi dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh công nghiệp được thu gom bằng hệ thống mương rãnh có nắp đậy (có bố trí hố ga và song chắn rác) sau đó dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày của Dự án để xử lý.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày như sau:

Nước thải → *Bể điều hòa* → *Bể keo tụ* → *Bể lắng 1* → *Bể MBBR* → *Bể lắng*
2



*Mương tiêu nước khu vực dẫn ra kênh Mạo Khê ← Bể chứa kết
hợp khử trùng*

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra mương tiêu thoát nước phía Tây dự án dẫn ra kênh Mạo Khê.

3.2. Về xử lý bụi và khí thải

- Tại khu vực xưởng sấy lúa: Hoạt động sấy lúa (nạp nguyên liệu, sàng tạp chất và sấy) được thực hiện theo chu trình khép kín; tại các tháp sấy lúa được lắp đặt hệ thống hút bụi; toàn bộ bụi được thu gom, hút về buồng lắng (kích thước dài 30 m x rộng 4 m x cao 5m; phía trên có bố trí hệ thống phun mưa để dập bụi); khí thải thoát qua buồng lắng bằng các lỗ khí nhỏ.

- Tại khu vực xưởng xay xát lúa:

+ Hoạt động xay xát lúa (nạp liệu, sàng tạp chất, tách vỏ trấu, xát trắng, sàng tằm) được tự động hóa thực hiện theo chu trình khép kín;

+ Tại các máy nạp liệu, máy sàng tạp chất và máy tách vỏ trấu được lắp đặt hệ thống quạt hút và ống dẫn thổi bụi về hệ thống Cyclon đặt tại kho trấu (diện tích 522 m², cao 6 m), khí thải được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí phía trên Cyclon;

+ Tại máy xát trắng và máy lau bóng được lắp đặt hệ thống quạt hút và ống dẫn thu cám qua hệ thống Cyclon đặt tại kho cám (diện tích 468 m², cao 6 m); khí thải được thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí phía trên Cyclon;

- Khí thải phát sinh từ mỗi lò hơi, lò sấy (02 lò hơi nước và 02 lò sấy lúa, nguyên liệu đốt là trấu) được thu gom về hệ thống Cyclon khô đường kính D1,6m, chiều cao 3,5m thống để tách bụi và sau đó dẫn về tháp hấp thụ bằng

nước (khí thải được dẫn từ dưới lên, nước được phun thành các tia nhỏ từ trên xuống), khí thải sau khi qua tháp hấp thụ được thải ra môi trường qua ống khói cao 15m.

- Tại các nhà xưởng sản xuất: Lắp đặt 10 quạt hút công nghiệp công suất 10.000 m³/h giúp lưu thông gió, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong nhà xưởng.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện ra, vào nhà máy: Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào dự án được đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định; các phương tiện tắt máy trong khi chờ xếp, dỡ hàng, bố trí lịch vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa phù hợp để các xe không phải chờ lâu.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

3.3. Công trình biện pháp xử lý chất thải rắn.

- Chất thải rắn sinh hoạt, nhà ăn:

- + Đối các loại chất thải rắn như: cơm, thực phẩm thừa, rau... được thu gom riêng và tận dụng làm thức ăn cho cá hoặc cho người dân khu vực làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- + Đối với các loại chất thải rắn có thể tái chế như: thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ đồ hộp, ... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- + Đối với các loại chất thải rắn không thể tái chế được thu gom, tập kết vào 01 xe đẩy tay đặt tại nhà chứa chất thải rắn (diện tích 100m², được chia làm 04 ngăn chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ quá trình sản xuất nước ép trái cây, chất thải từ quá trình trồng nấm và chất thải nguy hại) tại khu vực phía Tây Bắc dự án; định kỳ 01 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất:

- + Vụn cây lúa, đất, đá: được thu gom, tập trung tại ngăn nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt ở khu vực phía Tây Bắc dự án, định kỳ 01 ngày/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định;

- + Tầm, cám từ quá trình xay xát lúa, được thu gom vào nhà chứa cám (diện tích 468 m²), một phần được tận dụng làm nguyên liệu trồng nấm; phần còn lại bán cho các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; trấu được thu gom vào nhà chứa trấu (diện tích: diện tích 522 m²), chủ yếu được sử dụng làm nguyên liệu đốt lò sấy và lò hơi phục vụ dự án, phần còn lại được bán cho các cơ sở sản xuất viên trấu nén trên địa bàn.

- + Bã nguyên liệu từ quá trình sản xuất nước ép trái cây được thu gom về ngăn chứa chất thải rắn tại nhà chứa chất thải rắn, khu vực phía Tây Bắc dự án, định kỳ 1 ngày/lần, vận chuyển về Công ty CP Phân bón Lam Sơn tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân để làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ.

- + Chất thải từ quá trình trồng nấm được thu gom về nhà chứa chất thải rắn (diện tích 100m²) tại khu vực phía Tây Bắc dự án, định kỳ 1 ngày/lần, vận

chuyển về Công ty CP Phân bón Lam Sơn tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân để làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ.

+ Bánh phở vụn từ quá trình sản xuất bún phở ăn liền được thu gom vào 01 thùng nhựa có nắp đậy (thể tích 50 lít) đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất, bán cho người dân làm thức ăn chăn nuôi.

+ Tro xỉ từ quá trình đốt trấu được thu gom về bể chứa (kích thước: 5m x 4m x 2m) tại khu vực phía Tây Bắc dự án, định kỳ 1 ngày/lần, vận chuyển về Công ty CP Phân bón Lam Sơn tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân để làm nguyên liệu sản xuất phân hữu cơ.

- Đối với bùn cặn thu hồi từ hệ thống xử lý khí thải, nước thải, định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4. Công trình biện pháp xử lý chất thải nguy hại

Trang bị 03 thùng (thể tích 0,2 m³/thùng), có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại riêng biệt đặt tại ngăn chứa chất thải nguy hại khu vực nhà kho chứa chất thải rắn phía Tây Bắc dự án, định kỳ, hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Các công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, rung và ô nhiễm khác

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, nhiệt độ:

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất;

- Lắp đặt hệ thống thông gió đảm bảo lưu thông không khí, thông thoáng nhà xưởng và các khu vực làm việc, sản xuất;

- **Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất tại Nhà máy;** bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân tại xưởng có độ ồn cao;

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với rủi ro, sự cố:

- Phương án phòng cháy và chữa cháy: trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy; đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo quản thức ăn; tuân thủ theo đúng quy định; trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên bếp ăn; tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh thực phẩm,...

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng (Giám sát chất lượng khí thải)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- *Chỉ tiêu giám sát*: Vi khí hậu, nhiệt độ, độ ồn, CO, SO₂, NO₂, bụi.
- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công (tại thời điểm thực hiện giám sát).
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- a. Giám sát khí thải*
 - Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, độ ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃
 - Các vị trí giám sát: 09 vị trí:
 - + 02 vị trí tại 02 ống khói lò sấy trước khi thải ra môi trường;
 - + 02 vị trí tại 02 ống khói lò hơi trước khi thải ra môi trường;
 - + 01 vị trí tại Trung tâm khu vực nhà xưởng sấy lúa;
 - + 01 vị trí tại Trung tâm khu vực nhà xưởng xay, xát lúa.
 - + 01 vị trí tại Trung tâm nhà xưởng sản xuất nước ép trái cây;
 - + 01 vị trí tại Trung tâm hệ thống xử lý nước thải tập trung;
 - + 01 vị trí tại Khu vực chứa chất thải rắn tập trung.
 - Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp và các chất vô cơ.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- b. Giám sát nước thải.*
 - Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, Độ màu, Coliform.
 - Các vị trí giám sát: 02 vị trí (01 tại bể điều hòa và 01 tại bể chứa nước

thải sau xử lý trước khi thải ra môi trường).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp./.